

Bản án số: 348/2023/HNGĐ-ST  
Ngày: 28 - 3 - 2023  
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Huỳnh Thạch Vũ.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Trần Thị Lợi;

2. Bà Lê Thùy Dương.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Như Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh** tham gia phiên tòa: Không có.

Trong ngày 28 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cử Chi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 1260/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 63/2023/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Q, sinh năm 1996;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 32 Đường 705, Tổ 7, ấp B, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chỗ ở: Nhà trọ P, Tổ 7, khu phố A, phường A, thị xã T, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

*Bị đơn:* Anh Đinh Văn T, sinh năm 1993;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 32 Đường 705, Tổ 7, ấp B, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn xin ly hôn nộp ngày 22/8/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Lê Thị Q trình bày:*

Chị và anh Đinh Văn T tự nguyện chung sống với nhau năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không hợp nhau nên thường xuyên cãi vã, không có tiếng nói chung. Hai bên đã nhiều lần cùng nói chuyện để giải quyết mâu thuẫn nhưng anh T không có thiện chí thay đổi để hàn gắn quan hệ vợ chồng. Hiện tại chị và anh T không còn sống chung với nhau từ năm 2017. Nay chị

Q nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hai bên không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 01 (một) con chung tên Đinh Gia P, sinh ngày 05/5/2016. Con chung hiện đang sống cùng anh T nên chị Q giao con chung cho anh T nuôi dưỡng, chị cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 (Một triệu năm trăm ngàn) đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Chị Q xác định không có.

Về nghĩa vụ dân sự chung: Chị Q xác định không có.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho anh Đinh Văn T thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh T đều vắng mặt.

*Tại phiên tòa:*

Nguyên đơn là chị Lê Thị Q giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh Đinh Văn T; về con chung: Chị Q giao con chung tên Đinh Gia P, sinh ngày 05/5/2016 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con hàng tháng nhưng sẽ cùng anh T nuôi con theo khả năng; tài sản chung và nghĩa vụ dân sự chung: Không có.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp:

Tại đơn xin ly hôn nộp ngày 22/8/2022, chị Lê Thị Q yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Củ Chi giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đinh Văn T; chị Q giao con chung tên Đinh Gia P, sinh ngày 05/5/2016 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 (Một triệu năm trăm ngàn) đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi; tài sản chung và nghĩa vụ dân sự chung: Không có. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại Khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn là anh Đinh Văn T cư trú tại Số 32 Đường 705, Tổ 7, ấp B, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi theo Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng:

Bị đơn là anh Đinh Văn T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành phiên tòa vắng mặt anh T theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Lê Thị Q và anh Đinh Văn T tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 28, quyền số 01/2015 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10/3/2015, đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét trình chi của chị Q, chị và anh T tự nguyện chung sống với nhau năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không hợp nhau nên thường xuyên cãi vã, không có tiếng nói chung. Chị đã nhiều lần nói chuyện với anh T để hàn gắn quan hệ vợ chồng nhưng anh T không thay đổi. Chị và anh T không còn sống chung với nhau từ năm 2017 đến nay. Nay chị Q nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hai bên không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Xét anh T không đến Tòa án theo giấy triệu tập để cung cấp lời khai, tài liệu, chứng cứ cho thấy anh T không có thiện chí muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng cùng với chị Q. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét các tài liệu, chứng cứ do chị Q cung cấp để giải quyết vụ án. Xét tình trạng quan hệ vợ chồng giữa chị Q và anh T đã đến mức trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân Không đạt, căn cứ Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Q được ly hôn với anh T là có cơ sở.

[4] Về con chung:

Chị Q và anh T có 01 (một) con chung tên Đinh Gia P, sinh ngày 05/5/2016. Con chung hiện đang chung sống với anh T nên chị Q giao con chung tên Đinh Gia P cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Xét con chung hiện đang sống cùng anh T, để ổn định tâm lý và điều kiện học tập của cháu P, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu P cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Tại đơn xin ly hôn, chị Q chỉ trình bày chị sẽ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 (Một triệu năm trăm ngàn) đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Tại phiên tòa, chị Q thay đổi nội dung khởi kiện, chị không cấp dưỡng nuôi con. Xét việc thay đổi nội dung khởi kiện không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu theo Khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Nếu sau này anh T có tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con sẽ được Tòa án giải quyết ở một vụ án khác.

[5] Về tài sản chung: Chị Q xác định không có.

[6] Về nghĩa vụ dân sự chung: Chị Q xác định không có.

Anh Đinh Văn T vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, nếu anh T có tranh chấp về tài sản chung và nghĩa vụ dân sự chung sẽ được giải quyết trong vụ án khác.

[7] Về nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm:

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xét buộc chị Q phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

**QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 146, Điều 227, Điều 228, Khoản 1 Điều 244, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 6, Điều 7, Điều 26, Điều 30, Điều 31 và Điều 32 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là chị Lê Thị Q về việc cho ly hôn giữa chị Lê Thị Q và anh Đinh Văn T.

Kể từ ngày Bản án phát sinh hiệu lực pháp luật, Giấy chứng nhận kết hôn số 28, quyển số 01/2015 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10/3/2015 cho chị Q và anh T không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung:

Chị Q và anh T có 01 (một) con chung tên Đinh Gia P, sinh ngày 05/5/2016.

Giao con chung cho anh T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Q không cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi dưỡng con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, yêu cầu của cá nhân, tổ chức theo quy định tại Khoản 5 Điều 84, Khoản 2 Điều 116 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc trợ cấp cho việc nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung: Chị Q xác định không có.

4. Về nghĩa vụ dân sự chung: Chị Q xác định không có.

5. Về án phí sơ thẩm:

Chị Q phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số AA/2021/0045310 ngày 29/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự.

6. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Củ Chi;
- Chi cục THADS huyện Củ Chi;
- Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**Huỳnh Thạch Vũ**